

Số: 48 /TB-UBND

Đắk Song, ngày 09 tháng 4 năm 2019

**THÔNG BÁO**

**V/v công bố công khai Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020  
của huyện Đắk Song**

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính phủ về việc thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT, ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Quyết định số 411/QĐ-UBND, ngày 01/4/2019 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông;

UBND huyện Đắk Song thông báo công bố công khai toàn bộ tài liệu điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông tại trụ sở UBND huyện Đắk Song và đăng tải trên cổng thông tin điện tử của UBND huyện tại địa chỉ: <http://daksong.daknong.gov.vn>.

**1. Hồ sơ công khai gồm:**

- Quyết định số 411/QĐ-UBND, ngày 01/4/2019 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông;

- Báo cáo thuyết minh điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020;

- Bản đồ điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Đắk Song.

**2. Tổ chức thực hiện:**

a) Giao phòng Tài nguyên và Môi trường:

- Cung cấp tài liệu điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 đã được UBND tỉnh Đắk Nông phê duyệt cho các đơn vị có liên quan để cập nhật, quản lý, sử dụng và thực hiện công bố theo quy định.

- Niêm yết công khai Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Thông báo này tại trụ sở đơn vị để các tổ chức, cá nhân được biết.

b) Giao phòng Văn hoá và Thông tin huyện chịu trách nhiệm đưa hồ sơ công khai điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 lên Trang thông tin điện tử của huyện.



c) Giao UBND các xã, thị trấn:

- Công bố công khai điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Đắk Song trên hệ thống Đài phát thanh của xã, thị trấn để nhân dân và tổ chức biết được nội dung kế hoạch.


- Niêm yết công khai nội dung điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 có liên quan đến xã, thị trấn tại trụ sở UBND xã, thị trấn, đồng thời tổ chức phổ biến, thông tin sâu rộng về điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 đến toàn thể nhân dân tại địa phương.

d) Giao Đài Truyền thanh – Truyền hình huyện:

Tổ chức thông tin, phổ biến và lên chương trình phát thanh nội dung công bố công khai Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện Đắk Song trên hệ thống đài phát thanh và bản tin của huyện.

e) Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan:

Các cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm liên hệ với Phòng Tài nguyên và Môi trường để được cung cấp hồ sơ, tài liệu về điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020; Đồng thời căn cứ theo nội dung Quy hoạch có trách nhiệm cập nhật để tổ chức thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

UBND huyện thông báo đến toàn bộ các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trên địa bàn huyện được biết và thực hiện. / 

Nơi nhận: 

- UBND tỉnh;
- Sở TN&MT tỉnh; (B/cáo)
- TT.HU, HONND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các phòng, ban, ngành của huyện;
- UB.MTTQ huyện và các đoàn thể;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, TNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN**  
**CHỦ TỊCH**

**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Viết Sinh**



Số: *AM* /QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày *01* tháng *4* năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020  
huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 10/5/2018 của Chính phủ về điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Thông tư số 28/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về lập bản đồ hiện trạng, quy hoạch sử dụng đất; Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 06 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, Kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Quyết định số 936/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) của huyện Đắk Song;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 69/TTr-STNMT ngày 20 tháng 3 năm 2019,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1. Nội dung phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020



### 1.1. Diện tích, cơ cấu các loại đất:

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng 2015		Điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020			
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Cấp tỉnh phân bổ (ha)	Cấp huyện xác định, xác định bổ sung (ha)	Tổng số	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(7)+(6)	(9)
<b>I</b>	<b>LOẠI ĐẤT</b>		<b>80.646,24</b>		<b>80.646,24</b>		<b>80.646,24</b>	
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>75.401,26</b>	<b>93,5</b>	<b>72.606,23</b>	<b>171,94</b>	<b>72.778,17</b>	<b>90,24</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	349,06	0,46	349,06	-1,55	347,51	0,48
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>81,28</i>	<i>23,29</i>	<i>211,28</i>	<i>-100</i>	<i>111,28</i>	<i>0,15</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	11.862,11	15,73	11.539,64	-2.307,09	9.232,55	12,69
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	40.395,14	53,57	38.572,24	-842,75	37.729,59	51,84
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	1.147,64	1,52	2.350,22	-28,02	2.322,20	3,19
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	861,72	1,14	3.573,95	3,89	3.577,84	4,92
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	20.214,38	26,81	15.488,10	3.454,26	18.942,36	26,04
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	570,57	0,76	585,57		585,57	0,8
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH	0,65	0	147,45	-106,8	40,65	0,06
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>4.955,90</b>	<b>6,15</b>	<b>7.831,95</b>	<b>-216,46</b>	<b>7.615,49</b>	<b>9,44</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	94,44	1,91	1.501,87	-	1.501,87	19,63
2.2	Đất an ninh	CAN	1,23	0,02	219,93	-208,6	11,33	0,15
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	-		-	-	-	
2.4	Đất khu chế xuất	SKT	-		-	-	-	
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN	-		47,02	-47,02		
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	1,42	0,03	15,03	5,3	20,33	0,27
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	57,31	1,16	76	8,98	84,98	1,11
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	12,9	0,26	32,9	-	32,9	0,43
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2.019,59	40,75	2.596,24	26,96	2.623,20	34,29
2.9.1	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>1.294,44</i>	<i>64,09</i>	<i>1.688,83</i>	<i>-16,56</i>	<i>1.672,21</i>	<i>21,86</i>
2.9.2	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>493,02</i>	<i>24,41</i>	<i>592,68</i>		<i>592,68</i>	<i>7,75</i>
2.9.3	<i>Đất giáo dục đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>48,67</i>	<i>2,41</i>	<i>48,68</i>	<i>7,54</i>	<i>56,22</i>	<i>0,73</i>
2.9.4	<i>Đất bưu chính viễn thông</i>	<i>DBV</i>	<i>1,29</i>	<i>0,06</i>	<i>2,69</i>	<i>0,25</i>	<i>2,94</i>	<i>0,04</i>
2.9.5	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	<i>1,31</i>	<i>0,06</i>	<i>1,3</i>	<i>0,86</i>	<i>2,16</i>	<i>0,03</i>
2.9.6	<i>Đất y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>3,42</i>	<i>0,17</i>	<i>10,43</i>	<i>-6,14</i>	<i>4,29</i>	<i>0,06</i>



STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng 2015		Điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020			
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Cấp tỉnh phân bổ (ha)	Cấp huyện xác định, xác định bổ sung (ha)	Tổng số	
							Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
2.9.7	Đất năng lượng	DNL	166,72	8,26	232,31	34,89	267,2	3,49
2.9.8	Đất thể dục thể thao	DTT	7,94	0,39	13,34	6,87	20,21	0,26
2.9.9	Đất chợ	DCH	2,78	0,14	5,98	-0,7	5,28	0,07
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	0,09	0	2,49	1,4	3,89	0,05
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	-					
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	3,7	0,07	50,7	-18,5	32,2	0,42
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	762,17	15,38	916,83	-26,27	890,56	11,69
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	65,46	1,32	73,16	23,4	96,56	1,26
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	12,33	0,25	34,82	-22,92	11,9	0,16
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,12	0	1	-0,43	0,57	0,01
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-					
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	67,26	1,36	56,68	19,31	75,99	0,99
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	54,27	1,1	71,77	14,81	86,58	1,13
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	18,41	0,37	348,21	0,55	348,76	4,55
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	10,26	0,21	13,85	6,79	20,64	0,25
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	-			0,79	0,79	0,01
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	-					
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.741,50	35,14	1.740,73	0	1.740,73	22,76
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	32,72	0,66	32,72		32,72	0,43
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-			0,15	0,15	0
3	Đất chưa sử dụng	CSD	289,08	0,36	208,08	44,5	252,58	0,31

Ghi chú: \* Không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên



1.2. Diện tích chuyển đổi mục đích sử dụng đất điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020:

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính (ha)								
				Thị trấn Đức An	Xã Đắc Môl	Xã Đắc Hòa	Xã Nam Bình	Xã Thuận Hà	Xã Thuận Hạnh	Xã Đắc N'Dung	Xã Nam N'Jang	Xã Trường Xuân
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+.(.)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp</b>	<b>NNP/PNN</b>	<b>2.657,11</b>	<b>169,84</b>	<b>1.317,02</b>	<b>71,24</b>	<b>198,72</b>	<b>252,31</b>	<b>192,47</b>	<b>129,46</b>	<b>151,25</b>	<b>174,80</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	1,55		1,24			0,23		0,08		
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	803,89	36,62	452,40	14,31	45,72	71,15	48,03	33,13	51,33	51,20
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	1.105,68	128,75	279,38	52,33	102,95	133,71	131,81	96,25	99,10	81,40
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	1,20						0,97		0,03	0,20
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	744,79	4,47	584,00	4,60	50,05	47,22	11,66		0,79	42,00
<b>2</b>	<b>Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp</b>											
	<i>Trong đó:</i>											
2.1	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	HNK/NTS	12,50			1,50	1,00	2,00	1,50	2,50	2,50	1,50
<b>3</b>	<b>Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở</b>	<b>PKO/OCT</b>	<b>0,36</b>				<b>0,36</b>					

1.3. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho các mục đích:

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính (ha)								
				Thị trấn Đức An	Xã Đắc Môl	Xã Đắc Hòa	Xã Nam Bình	Xã Thuận Hà	Xã Thuận Hạnh	Xã Đắc N'Dung	Xã Nam N'Jang	Xã Trường Xuân
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+.. (.)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>										
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>36,50</b>		<b>8,50</b>	<b>6,00</b>		<b>5,00</b>	<b>5,00</b>		<b>12,00</b>	
2.1	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	7,50					2,50			5,00	
2.2	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	11,50		2,00	2,00		2,50	5,00			
-	Đất giao thông	DGT	11,50		2,00	2,00		2,50	5,00			
2.3	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	2,50		1,50	1,00						
2.4	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	2,00								2,00	
2.5	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, đồ gốm	SKX	13,00		5,00	3,00					5,00	



2. Vị trí diện tích các khu vực đất phải chuyển mục đích sử dụng đất được xác định theo bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 tỷ lệ 1/25.000, Báo cáo thuyết minh tổng hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

**Điều 2.** Căn cứ Điều 1 của Quyết định này, UBND huyện Đắk Song có trách nhiệm:

- Công bố công khai điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Đắk Song để cho tổ chức, cá nhân được biết và tăng cường công tác giám sát thực hiện điều chỉnh quy hoạch.

- Xác định ranh giới và công khai diện tích đất trồng lúa, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng cần bảo vệ nghiêm ngặt; tăng cường đầu tư hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ giữa các khu vực.

- Xây dựng kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện theo quy định của pháp luật đất đai làm căn cứ để thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đảm bảo phù hợp với điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

- Kiểm tra trong việc sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Đồng thời có trách nhiệm quản lý chặt chẽ, đảm bảo độ che phủ đối với diện tích đất rừng.

- Tăng cường công tác tuyên truyền pháp luật đất đai để người sử dụng đất nắm vững các quy định của pháp luật, sử dụng đất đúng mục đích, tiết kiệm, có hiệu quả, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

- Quản lý, sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, nhất là khu vực chuyển mục đích sử dụng đất để tập trung cho phát triển kinh tế và chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển dịch vụ, đô thị để tăng nguồn thu cho ngân sách; đẩy mạnh việc đấu giá quyền sử dụng đất. Khuyến khích sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, khắc phục tình trạng đất bỏ hoang khi được nhà nước giao, cho thuê đất.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất đai, ngăn chặn và xử lý kịp thời các vi phạm trong thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; kiên quyết không giải quyết giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất đối với những trường hợp không phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.



- Định kỳ hàng năm, báo cáo kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch UBND huyện Đắk Song và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Tổng cục Quản lý đất đai;
- Huyện ủy Đắk Song;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CTTĐ, TH, NN(Th).

14

Ủy ban Nhân  
dân tỉnh Đắk  
Nông  
Tỉnh Đắk  
Nông  
01.04.2019  
14:11:50  
+07:00

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trương Thanh Tùng**